

Số:22/2016/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý đường
đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và được đăng công báo tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Bộ Giao thông vận tải (để báo cáo);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh VL (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để chỉ đạo);
- Cục KTVBQPPL – Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- MTTQVN tỉnh Vĩnh Long;
- Các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (để kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh (để theo dõi);
- Báo Vĩnh Long (để đưa tin);
- Đài PTTH Vĩnh Long (để đưa tin);
- Trung tâm Công báo (để đăng công báo);
- Phòng: KTN, KTTH, TH (để tổng hợp);
- Lưu: VT, 5.06.05.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký: Nguyễn Văn Quang

QUY ĐỊNH

Phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22 /2016/QĐ-UBND,
ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý đường đô thị.
2. Quy định này áp dụng với mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khi tham gia các hoạt động có liên quan đến hệ thống đường đô thị trên địa bàn tỉnh.
3. Việc quản lý và khai thác sử dụng các đường phố có chức năng đặc biệt trên địa bàn tỉnh (phố đi bộ, phố ẩm thực, chợ đêm...) sẽ được thực hiện theo các quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện bao gồm Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã bao gồm Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh.
3. Cơ quan quản lý đường bộ: Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện;
4. Công trình đường bộ trong đô thị gồm: đường bộ (gồm lòng đường và hè đường), nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, cầu vượt, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác trong đô thị.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Đường đô thị trên địa bàn tỉnh theo sự phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh được quản lý thống nhất, đồng bộ theo quy hoạch được phê duyệt.

2. Khi sử dụng hoặc tạm thời sử dụng một phần đường đô thị vào mục đích khác phải xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải có giải pháp không làm hư hỏng kết cấu mặt đường, vỉa hè, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho người đi bộ và các phương tiện giao thông, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

3. Việc cấp phép thi công phải được thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Đường ngoài phạm vi đô thị theo quy định nhưng nằm trong ranh giới khu đô thị, khu đô thị mới, được thống nhất quản lý như đường đô thị.

5. Khi đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đường đô thị phải đảm bảo đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, tránh lãng phí.

Chương II

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐƯỜNG ĐÔ THỊ

Điều 3. Phân công, phân cấp quản lý đường đô thị

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị. Các nội dung quản lý chung bao gồm: về quy hoạch, thiết kế, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị liên quan đến hệ thống đường đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức lập, thẩm định quy hoạch giao thông đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với những quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; đề nghị Bộ Xây dựng đóng góp ý kiến đối với những quy hoạch giao thông đô thị cần lấy ý kiến theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch giao thông đô thị và nội dung quy hoạch giao thông trong đồ án quy hoạch đô thị.

d) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan kiểm tra việc xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo quy hoạch đô thị và quy hoạch giao thông đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Chủ trì phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục đường phố có chức năng đặc biệt (phố đi bộ, phố ẩm thực, chợ đêm...).

f) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) cho Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông với các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền hoặc ủy quyền quản lý theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP), Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP). Thực hiện công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường bộ trong đô thị gồm:

- + Quốc lộ được ủy quyền quản lý qua đô thị.
- + Đường tỉnh qua đô thị.
- + Đường trong đô thị theo Phụ lục được ban hành kèm theo Quy định này.

b) Xem xét chấp thuận sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông thuộc thẩm quyền quản lý (tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 của Quy định này) theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và thực hiện theo Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

c) Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập quy hoạch, kế hoạch về đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo, bảo trì và phát triển đường giao thông đô thị phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch mạng lưới giao thông vận tải của tỉnh.

d) Hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc quản lý, xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo trì đường bộ trong đô thị.

e) Hàng năm lập kế hoạch, danh mục các công trình, dự toán kinh phí đầu tư xây dựng, bảo trì, duy tu sửa chữa, nâng cấp, chỉnh trang đường đô thị do Sở quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

f) Chấp thuận và tổ chức cấp phép thi công các công trình thiết yếu có liên quan đến đường đô thị do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 12, Khoản 3 Điều 13, Khoản 1 Điều 14, Điều 35 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực

hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT); Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công và cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ mình quản lý theo quy định tại Điều 26, Điều 27 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

g) Thực hiện các nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng các công trình giao thông đô thị theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Tổ chức lập quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải; Thống kê các đường đã đầu nối và lập kế hoạch xử lý phù hợp với quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt. Xem xét, thống nhất thiết kế và phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào quốc lộ.

k) Phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý đường đô thị; Chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của Thanh tra Giao thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trong đô thị; Tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) cho Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn vốn để phục vụ cho công tác đầu tư xây dựng đường đô thị, quản lý, sửa chữa, bảo trì và phát triển đường đô thị hàng năm.

b) Kiểm tra, phân bổ kinh phí quản lý, đầu tư xây dựng, bảo trì đường đô thị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Hướng dẫn, kiểm tra việc thanh quyết toán kinh phí thực hiện.

c) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan xây dựng mức thu phí sử dụng hè phố, lòng đường đối với một số vỉa hè, lòng đường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Hướng dẫn việc thu phí và quản lý phí sử dụng tạm thời hè phố, lòng đường theo quy định pháp luật.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn cho công tác đầu tư xây dựng, nâng cấp và phát triển các công trình xây dựng đường đô thị theo quy hoạch

phát triển đô thị. Ưu tiên đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Là cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường tại các đô thị trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập đề án đặt tên đường đô thị mới đầu tư theo quy hoạch để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo quy định.

6. Sở Công Thương

Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan, kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện đồng bộ các công trình điện (trên không và ngầm) xây dựng mới, cải tạo nâng cấp được xây dựng trên các tuyến đường đô thị hoạt động đúng theo quy định của pháp luật về hoạt động điện lực.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan Báo, Đài tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định này và các quy định về bảo vệ đường đô thị trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng trong ngành duy trì trật tự an toàn giao thông trong đô thị, phân công cho Công an cấp huyện, xã quản lý trật tự an toàn giao thông tránh chồng chéo trong quản lý xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông theo quy định.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện công tác quản lý, đầu tư xây dựng phát triển, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì đối với các công trình giao thông đô thị trên phạm vi địa bàn quản lý (trừ các công trình thuộc danh mục do Sở Giao thông vận tải quản lý).

b) Hàng năm lập kế hoạch, danh mục các công trình, dự toán kinh phí đầu tư xây dựng, bảo trì, duy tu sửa chữa, nâng cấp, chỉnh trang đường đô thị do địa phương quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

c) Cân đối ngân sách tại địa phương cho công tác xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và phát triển các công trình đường đô thị; Đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình xây dựng đường đô thị theo quy định của luật ngân sách.

d) Quản lý việc sử dụng hè phố, lòng đường, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị trên địa bàn được phân cấp quản lý; Có biện pháp chống lấn chiếm hè phố, lòng đường, bảo đảm an toàn giao thông; Trên cơ sở chiều rộng mặt cắt đường, loại đường phố, khả năng thông xe... quy định danh mục tuyến phố được phép đỗ xe.

đ) Căn cứ tình hình cụ thể của địa phương, nghiên cứu phân công quản lý đường bộ cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Chấp thuận và tổ chức cấp phép thi công các công trình thiết yếu có liên quan đến đường đô thị do địa phương quản lý (trừ các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải quản lý tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 của Quy định này) theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; có ý kiến bằng văn bản đối với hướng tuyến, vị trí các tuyến đường trên địa bàn quản lý phù hợp theo quy hoạch giao thông đô thị được duyệt.

f) Xem xét chấp thuận sử dụng tạm thời đường đô thị ngoài mục đích giao thông trên địa bàn quản lý (trừ các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải quản lý tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 của Quy định này) theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

g) Chủ trì phối hợp với các ngành: điện lực, viễn thông, cấp thoát nước... trong việc cấp phép xây dựng, bảo trì, duy tu sửa chữa, nâng cấp, chỉnh trang các công trình hạ tầng kỹ thuật theo phân cấp một cách đồng bộ, tránh lãng phí.

h) Chỉ đạo các phòng, ban và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý đường bộ trong phạm vi đô thị theo thẩm quyền được phân cấp; Phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

i) Lập cơ sở dữ liệu về đường đô thị và báo cáo tình hình quản lý đường đô thị trên địa bàn quản lý theo định kỳ 06 tháng (trước ngày 30 tháng 6), 01 năm (trước ngày 31 tháng 12) hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu gửi về Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đường đô thị trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Quản lý và chấp thuận việc sử dụng tạm thời hè phố trên địa bàn theo quy định. Chịu trách nhiệm báo cáo trước Ủy ban nhân dân cấp huyện về chấp thuận cho sử dụng tạm thời hè phố trong phạm vi cấp xã quản lý.

c) Phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý và sử dụng đường đô thị trên địa bàn theo quy định pháp luật.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này, tùy theo mức độ, tính chất vi phạm, sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; các tổ chức và cá nhân có liên quan trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm được giao có nhiệm vụ hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đường đô thị phải thực hiện theo quy định này và các quy định về quản lý giao thông đô thị được quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị, Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, các cá nhân, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng bằng văn bản để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký: Nguyễn Văn Quang

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, CẦU TRỒNG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG
DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quy định phân công, phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được ban hành tại Quyết định số 22 /2016/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Địa điểm	Chiều dài (m)	Ghi chú
I	ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ VĨNH LONG					
1	Lê Thái Tổ	Giáp đường Nguyễn Huệ	Giáp cầu Lộ	Phường 2	680	
2	3/2	Giáp cầu Lộ	Giáp đường 1/5	Phường 1	720	
3	Trung Nữ Vương	Giáp đường Tô Thị Huỳnh	Giáp cầu Phạm Thái Bường	Phường 1	905	
4	Hưng Đạo Vương	Giáp đường Phan Bội Châu	Giáp đường 2/9	Phường 1	900	
5	2/9	Giáp cầu Thiêng Đức	Giáp đường Mậu Thân	Phường 1, Phường 3	1.015	
6	Mậu Thân	Giáp đường 2/9	Giáp đường Phó Cơ Điều	Phường 3	1.565	
7	Trần Phú	Giáp cầu Lầu	Giáp cầu chợ Cua	Phường 4	2.400	
8	Phạm Thái Bường	Giáp cầu Phạm Thái Bường	Giáp ngã tư Đồng quê	Phường 4	2.450	
9	30/4	Giáp đường 1/5	Giáp cầu Lầu	Phường 1	520	
10	1/5	Giáp đường Phan Bội Châu	Giáp đường 30/4	Phường 1	340	
11	Lê Văn Tám	Giáp đường Tô Thị Huỳnh	Giáp đường 19/8	Phường 1	380	

12	Nguyễn Thị Út	Giáp đường Hưng Đạo Vương	Giáp đường Trần Văn Ôn	Phường 1	310	
13	Nguyễn Du	Giáp cầu Kinh Cụt	Giáp đường 2/9	Phường 1	420	
14	Lý Thường Kiệt	Giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	Giáp đường 2/9	Phường 1	340	
15	Lưu Văn Liệt	Cầu Cái Cá	Đường Lê Thái Tổ	Phường 2	320	
16	Tô Thị Huỳnh	Giáp đường Phan Bội Châu	Giáp cầu Cái Cá	Phường 1	432	
17	Phan Bội Châu	Giáp đường 1/5	Giáp đường Tô Thị Huỳnh	Phường 1	250	
18	8/3	Giáp đường 14/9	Giáp cầu Long Thanh	Phường 5	2.100	
19	Hoàng Thái Hiếu	Giáp đường 1/5	Giáp đường Lê Văn Tám	Phường 1	540	
20	Nguyễn Thị Minh Khai	Giáp đường 30/4	Giáp đường Nguyễn Du	Phường 1	740	
21	19/8	Giáp đường Lê Văn Tám	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường 1	270	
22	Trần Văn Ôn	Giáp đường Nguyễn Thị Út	Giáp đường Nguyễn Văn Bé	Phường 1	300	
23	14/9	Ranh Phường 5, thành phố Vĩnh Long và xã Thanh Đức, huyện Long Hồ	Giáp cầu Thiêng Đức	Phường 5	2400	Trùng với Đường tỉnh 902
24	Lê Lai	Giáp đường Tô Thị Huỳnh	Giáp đường Hoàng Thái Hiếu	Phường 1	412	
25	Nguyễn Chí Thanh	Giáp bờ sông Cổ Chiên	Giáp đường 14/9	Phường 5	640	
26	Võ Thị Sáu	Giáp đường 3/2	Giáp đường Nguyễn Thị	Phường 1	360	

			Minh Khai			
27	Nguyễn Văn Nhã	Giáp đường 1/5	Giáp đường Hưng Đạo Vương	Phường 1	230	
28	Hùng Vương	Giáp đường Nguyễn Công Trứ	Giáp đường 2/9	Phường 1	765	
29	Phạm Hùng	Giáp cầu Cái Cam	Giáp ngã ba Long Châu (đường Nguyễn Huệ)	Phường 2, Phường 9	2.630	
30	Nguyễn Huệ	Giáp ngã ba Long Châu (đường Phạm Hùng)	Giáp cầu Tân Hữu	Phường 2	1.700	
31	Đình Tiên Hoàng	Giáp cầu Tân Hữu	Ranh Phường 8, thành phố Vĩnh Long và xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ	Phường 8	1.937	
32	Võ Văn Kiệt	Giáp đường Nguyễn Huệ	Giáp Quốc lộ 53 (đường Phan Văn Đáng)	Phường 2, Phường 9	2.000	
33	Trần Đại Nghĩa	Giáp cầu Hưng Đạo Vương	Giáp Quốc lộ 57 (đường Trần Phú)	Phường 4	2.416	
34	Lê Minh Hữu	Giáp đường Phạm Thái Bường	Giáp đường Trần Phú	Phường 4	478	
II	ĐƯỜNG TỈNH					
1	901	UBND xã Tích Thiện	Km 25 + 250 ĐT 902		50km	Đoạn qua đô thị
2	902	Cầu Thiêng Đức (thành phố Vĩnh Long)	Km 32 + 950 ĐT 902		33km	Đoạn qua đô thị
3	903	Km 11 + 320 Quốc lộ 53	Km 19 + 600 ĐT 902		15km	Riêng đoạn qua thị trấn

						Cái Nhum do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít quản lý
4	904	Km 13 + 550 Quốc lộ 53	Km 65 + 700 Quốc lộ 54		26km	Đoạn qua đô thị
5	905	Km 2054 + 110 Quốc lộ 1	Km 13 + 100 ĐT 904		15km	Đoạn qua đô thị
6	906	Km 26 + 700 Quốc lộ 53	Km 83 + 700 Quốc lộ 54		17km	Đoạn qua đô thị
7	907	Km 2 + 600 ĐT 909	Km 71 + 000 Quốc lộ 54		91km	Đoạn qua đô thị
8	908	Km 2049 + 200 Quốc lộ 1	Km 33 + 600 Quốc lộ 54		29km	Đoạn qua đô thị
9	909	Km 8 + 500 ĐT 902	Km 62 + 035 Quốc lộ 54		39km	Đoạn qua đô thị
10	910	Km 2063 + 525 Quốc lộ 54 cũ - Thị xã Bình Minh)	Cách điểm đầu khoảng 400m		400m	Đoạn qua đô thị

III. CẦU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

TT	Tên cầu	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Phạm Thái Bường	45	
2	Lộ	40	

3	Lầu	46	
4	Mộ Thân	26	
5	Cái Cá	44	
6	Thiên Đức	117	
7	Kè	30	
8	Cái Sơn Bé	44	
9	Bình Lữ	30	
10	Tân Hữu	30	
11	Hưng Đạo Vương	44,42	